ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ BÌNH AN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 139/QĐ-UBND	*Bình An, ngày 17 tháng 7 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Quy hoạch chung xã Bình An, tỉnh An Giang đến năm 2050

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ BÌNH AN

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 144/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quy hoạch số 112/2025/QH15 ngày 10/12/2025;

Căn cứ Nghị quyết số 1654/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh An Giang năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 145/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 34/2026/NĐ-CP ngày 22/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 43/2025/TT-BXD ngày 09/12/2025 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Bộ Xây dựng về ban hành QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 676/QĐ-UBND ngày 24/02/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 23/2026/QĐ-UBND ngày 29/4/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới tỉnh An Giang giai đoạn

2026 - 2030;

Căn cứ Kế hoạch số 135/KH-UBND ngày 10/10/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc triển khai kế hoạch lập Nhiệm vụ, quy hoạch chung đô thị và nông thôn trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2025-2030;

Căn cứ Quyết định số 13/2026/QĐ-UBND ngày 05/3/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang phân cấp phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch chung xã trên địa bàn tỉnh An Giang;

Căn cứ Công văn số 5130/SXD-QH&PTĐT ngày 26/5/2026 của Sở Xây dựng tỉnh An Giang về việc ý kiến đối với Quy hoạch chung xã Bình An, tỉnh An Giang đến năm 2050;

Căn cứ Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 29/6/2026 của Hội đồng nhân dân xã Bình An về việc sắp xếp các ấp trên địa bàn xã Bình An, tỉnh An Giang;

Căn cứ Kế hoạch số 78/KH-UBND ngày 10/11/2025 của Ủy ban nhân dân xã Bình An về việc triển khai thực hiện lập Quy hoạch chung xã Bình An, tỉnh An Giang đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1409/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của Ủy ban nhân dân xã Bình An về phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chung xã Bình An, tỉnh An Giang đến năm 2045, tỷ lệ 1/10.000;

Căn cứ Quyết định số 66/QĐ-UBND ngày 21/4/2026 của Ủy ban nhân dân xã Bình An về phê duyệt điều chỉnh Nhiệm vụ Quy hoạch chung xã Bình An, tỉnh An Giang đến năm 2050;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Kinh tế tại Tờ trình số 432/TTr-PKT ngày 17 tháng 7 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch chung xã Bình An, tỉnh An Giang đến năm 2050 với những nội dung chủ yếu như sau:

1. Phạm vi, quy mô và thời hạn lập quy hoạch

1.1. Phạm vi lập quy hoạch

- Bao gồm toàn bộ địa giới hành chính xã Bình An. Xã Bình An được hình thành sau khi sáp nhập xã Bình An, xã Vĩnh Hòa Hiệp và xã Vĩnh Hòa Phú (cũ), tứ cận xác định như sau:

+ Phía Đông tiếp giáp xã Châu Thành.

+ Phía Tây tiếp giáp xã Tây Yên và xã An Biên.

+ Phía Nam tiếp giáp xã Định Hòa.

+ Phía Bắc tiếp giáp phường Rạch Giá.

1.2. Quy mô lập quy hoạch: 7.343 ha (73,43 km^2).

1.3. Thời hạn lập quy hoạch

- Giai đoạn ngắn hạn đến năm 2030.

- Giai đoạn dài hạn đến năm 2050.

2. Quan điểm, mục tiêu quy hoạch

2.1. Quan điểm

- Quy hoạch chung xã Bình An, tỉnh An Giang đến năm 2050 phải bám sát chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật Nhà nước; phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của xã; thống nhất với quy hoạch tỉnh An Giang và các quy hoạch liên quan; kế thừa có chọn lọc các quy hoạch cũ.

- Định hướng không gian phát triển quy hoạch chung xã Bình An theo hướng *"Tiểu vùng phía Nam An Giang"* là 01 trong 05 tiểu vùng kinh tế - xã hội chuyên biệt của tỉnh. Phát triển xã Bình An mạnh về công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, sản xuất nông nghiệp chất lượng cao, nông nghiệp xanh, thông minh và nuôi trồng thuỷ sản là hướng phát triển ưu tiên.

- Xây dựng hệ thống hạ tầng giao thông cơ bản định hướng kết nối vùng, dựa trên trục đường hành lang ven biển phía Nam, QL63, QL61, Võ Văn Kiệt, đường 3/2 nối dài... Xây dựng nền tảng chuyển đổi số mạnh mẽ; ứng phó tốt với biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường sinh thái, phát triển các khu dân cư nông thôn đồng bộ, tiệm cận với các tiêu chuẩn đô thị.

2.2. Mục tiêu

- Đến năm 2028 Bình An đạt xã nông thôn mới theo Quyết định số 23/2026/QĐ-UBND ngày 29/4/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới tỉnh An Giang giai đoạn 2026-2030.

- Đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 xã Bình An là xã phát triển khá của tỉnh, xã đạt chuẩn nông thôn mới, phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại, logistics và du lịch văn hóa, sinh thái, sản xuất nông nghiệp, thủy sản, đầu mối giao thương, có hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội phát triển đồng bộ, thích ứng với biến đổi khí hậu; chuyển đổi số trong hệ thống giáo dục, y tế; các giá trị văn hóa truyền thống được bảo tồn và phát huy; trật tự an toàn xã hội ổn định; an sinh xã hội được bảo đảm, đời sống vật chất và tinh thần của người dân được nâng cao. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng hiện đại, xanh, thông minh và bền vững. Phát triển các khu dân cư nông thôn, các khu vực cần bảo tồn, các khu chức năng sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề, dịch vụ và hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật.

3. Tính chất, chức năng khu vực lập quy hoạch

Là trung tâm kinh tế phía Tây Nam của tỉnh, với vai trò thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Xã Bình An phát triển kinh tế đa ngành, lấy công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại, dịch vụ, nông nghiệp xanh, công nghệ cao và hậu cần kinh tế biển là hướng phát triển ưu tiên.

4. Các chỉ tiêu dự báo phát triển và các chỉ tiêu quy hoạch

4.1. Dự báo quy mô dân số

- Dân số hiện trạng toàn xã 61.676 người.

- Dự báo quy mô dân số toàn xã đến năm 2030 khoảng 68.000 người.

- Dự báo quy mô dân số toàn xã đến năm 2035 khoảng 72.000 người.

- Dự báo quy mô dân số toàn xã đến năm 2050 khoảng 87.000 người.

4.2. Dự báo quy mô dân số trong độ tuổi lao động:

- Đến năm 2030 khoảng 51.000 người.

- Đến năm 2035 khoảng 56.880 người.

- Đến năm 2050 khoảng 69.600 người.

4.3. Dự báo nhu cầu sử dụng đất

- Đất nông nghiệp: Hiện trạng 5.602,36 ha; dự báo đến năm 2030 khoảng 5.407,57 ha; đến năm 2035 khoảng 4.726,15 ha; đến năm 2050 khoảng 3.685,88 ha.

- Đất xây dựng: Hiện trạng 1.022,65 ha; dự báo đến năm 2030 khoảng 1.196,71ha; đến năm 2035 khoảng 1.607,62 ha; đến năm 2050 khoảng 2.647,89 ha.

- Đất khác: Hiện trạng 717,92 ha; dự báo đến năm 2030 khoảng 738,65 ha; đến năm 2035 khoảng 705,41 ha; đến năm 2050 khoảng 705,41ha.

4.4. Chỉ tiêu phát triển đất đai

- Đất xây dựng công trình nhà ở: : ≥ 25 m^2/người.
- Đất xây dựng công trình công cộng, dịch vụ: : ≥ 5 m^2/người.
- Đất cho giao thông và hạ tầng kỹ thuật: : ≥ 5 m^2/người.
- Cây xanh công cộng: : ≥ 2 m^2/người.

4.5. Chỉ tiêu về hạ tầng xã hội

Tuân thủ QCVN 01:2021 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng; Quyết định số 23/2026/QĐ-UBND ngày 29/4/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới tỉnh An Giang giai đoạn 2026 - 2030.

4.6. Chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật

- Chỉ tiêu cấp nước:

+ Cấp nước sinh hoạt : ≥ 60 lít/người/ngày.đêm.

+ Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo QC : ≥ 70% .

+ Cấp nước CTCC, dịch vụ : ≥ 10% lượng nước sinh hoạt.

- Chỉ tiêu cấp điện:

+ Cấp điện sinh hoạt : ≥ 150 W/người/năm.

+ Điện công trình công cộng : ≥ 15% cấp điện sinh hoạt.

- Chỉ tiêu xử lý thoát nước thải và vệ sinh môi trường:

+ Thoát nước thải sinh hoạt xử lý : ≥ 80% lượng nước cấp.

+ Thoát nước thải công nghiệp xử lý : ≥ 90% lượng nước cấp.

+ Chất thải rắn phát thải : ≥ 0,8 kg/người.ngày.

+ Tỷ lệ thu gom chất thải rắn : ≥ 80% lượng chất thải phát sinh.

- Chỉ tiêu diện tích về nghĩa trang : ≥ 0,04 ha/1.000 người.

5. Các nội dung chính của quy hoạch

5.1. Định hướng phát triển không gian

Không gian tổ chức các hoạt động kinh tế - xã hội xã Bình An được định hướng, tổ chức theo 04 vùng kinh tế - xã hội cụ thể như sau:

- Vùng I (Đô thị mới, trung tâm thương mại dịch vụ): Bao gồm: Một phần ấp Vĩnh Thành A, một phần ấp Vĩnh Thành B, một phần ấp Vĩnh Hội, một phần ấp Vĩnh Hòa, một phần ấp Minh Phong, một phần ấp An Thới, một phần ấp Sua Đũa và một phần ấp Hòa Thuận.

- Vùng II (Trung tâm logistics và khu công nghiệp): Bao gồm: Một phần ấp Vĩnh Hội, một phần ấp Vĩnh Hòa và một phần ấp Minh Phong.

- Vùng III (Sản xuất nông nghiệp, du lịch sinh thái): Bao gồm: Ấp Vĩnh Phú và ấp An Ninh.

- Vùng IV (Sản xuất nông nghiệp sạch, chất lượng cao, phát thải thấp): Bao gồm: Một phần ấp Sua Đũa, một phần ấp Hòa Thuận, một phần ấp Vĩnh Thành A, một phần ấp Vĩnh Thành B, một phần ấp Minh Phong, một phần ấp An Thới, ấp Vĩnh Đằng, ấp Xà Xiêm.

5.2. Giải pháp tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan

Hình thức và giải pháp kiến trúc phù hợp với điều kiện khí hậu địa phương, sử dụng vật liệu thân thiện với môi trường, năng lượng sạch. Trồng cây xanh, vườn hoa kết hợp với kiến trúc tiểu cảnh để phục vụ dân cư trong khu vực… hình thức tổ chức cây xanh đẹp, phong phú, bố trí lối ra vào thuận tiện và không làm hàng rào bao quanh tạo điều kiện thuận lợi cho sử dụng chung.

5.3. Định hướng phát triển đô thị

Đô thị mới Tắc Cậu, quy mô 253,75 ha tại ấp Minh Phong và An Thới.

5.4. Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng xã hội

5.4.1. Phát triển khu dân cư nông thôn

a. Mở rộng, chỉnh trang các khu dân cư hiện hữu

- Khu dân cư nông thôn Vĩnh Hòa Hiệp tại ấp Vĩnh Thành A và Vĩnh Thành B.

- Khu dân cư nông thôn Vĩnh Hòa Phú tại ấp Vĩnh Hòa.

b. Phát triển các khu dân cư mới

* Giai đoạn 2026-2030

- Khu tái định cư Cảng cá Tắc Cậu, quy mô 22,3 ha tại ấp Vĩnh Hòa.

- Tuyến dân cư đường 3 tháng 2 nối dài, quy mô 46,96 ha tại ấp Vĩnh Hòa.

- Tuyến dân cư đường nối tuyến tránh Tắc Cậu và Cống Cái Lớn - Cái Bé, quy mô 12,56 ha tại ấp An Thới và ấp Xà Xiêm.

- Tuyến dân cư đường Võ Văn Kiệt nối dài, quy mô 27,2 ha tại ấp Vĩnh Hòa.

- Tuyến dân cư nhánh 1 đường 3 tháng 2 nối dài, quy mô 24,4 ha tại ấp Vĩnh Hòa.

- Tuyến dân cư nhánh 2 đường 3 tháng 2 nối dài, quy mô 24,1 ha tại ấp Vĩnh Hòa.

- Tuyến dân cư nhánh 3 đường 3 tháng 2 nối dài, quy mô 35,15 ha tại ấp Vĩnh Hòa.

- Tuyến dân cư nhánh 4 đường 3 tháng 2 nối dài, quy mô 25,1 ha tại ấp Vĩnh Hòa.

* Giai đoạn 2031-2050:

- Tuyến dân cư đường 3 tháng 2 nối dài, quy mô 32,63 ha tại ấp Vĩnh Hòa.

- Tuyến dân cư nhánh 4 đường 3 tháng 2 nối dài, quy mô 8,7 ha tại ấp Vĩnh Hòa.

- Tuyến dân cư nhánh 5 đường 3 tháng 2 nối dài, quy mô 35,16 ha tại ấp Vĩnh Hòa.

- Tuyến dân cư nhánh 6 đường 3 tháng 2 nối dài, quy mô 39,99 ha tại ấp Vĩnh Hòa.

- Tuyến dân cư nhánh 7 đường 3 tháng 2 nối dài, quy mô 10,87 ha tại ấp Vĩnh Hòa.

- Tuyến dân cư nhánh 8 đường 3 tháng 2 nối dài, quy mô 9,78 ha tại ấp Vĩnh Hòa.

- Tuyến dân cư sông Cái Lớn và sông Cái Bé, quy mô 128,67 ha tại ấp Vĩnh Phú.

- Khu dân cư Vĩnh Thành, quy mô 63,44 ha tại ấp Vĩnh Hội.

- Khu dân cư Vĩnh Thành B, quy mô 39,6 ha tại ấp Vĩnh Thành B.

- Khu dân cư Rạch Cà Lang, quy mô 39,6 ha tại ấp Minh Phong.

5.4.2. Khu nhà ở xã hội

Phát triển mới khu nhà ở xã hội, quy mô 30,6 ha tại ấp Vĩnh Hòa.

5.4.3. Phương án phát triển khu trung tâm xã

a. Khu trung tâm thương mại, dịch vụ

Phát triển khu trung tâm thương mại xã Bình An, tại ấp An Thới, với đầy đủ các công trình hạ tầng xã hôi - kỹ thuật, các công trình công cộng, dịch vụ, cây xanh cấp xã: nhà văn hóa, câu lạc bộ, nhà truyền thống, thư viện, trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trạm y tế xã, trung tâm văn hóa, sân thể thao, chợ, điểm phục vụ bưu chính viễn thông…

b. Khu trung tâm hành chính xã

Phát triển mới khu Trung tâm hành chính xã Bình An, trên tuyến nhánh chờ số 4 đường 3 tháng 2 nối dài, quy mô 8,02 ha tại ấp Vĩnh Hòa.

c. Các công trình công cộng, dịch vụ

*** Giáo dục và Đào tạo**

- Đầu tư nâng cấp, cải tạo, chỉnh trang, mở rộng cơ sở vật chất, trang thiết bị các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở hiện hữu.

- Phát triển mới Trường THPT Bình An, quy mô 3,55 ha tại ấp Vĩnh Hòa.

- Phát triển mới Trường Mầm non Bình An, quy mô 3,02 ha tại ấp Vĩnh Hòa.

- Phát triển mới Trung tâm đào tạo giấy phép lái xe ô tô, quy mô 1,9 ha tại ấp Minh Phong.

*** Y tế**

- Cải tạo, chỉnh trang lại các trạm y tế hiện hữu (trạm Y tế Vĩnh Hòa Phú; trạm Y tế Vĩnh Hòa Hiệp; trạm Y tế Bình An).

- Phát triển mới Trạm y tế xã Bình An, quy mô 10,06 ha tại ấp Vĩnh Hòa.

*** Văn hóa, thể thao công cộng**

Phấn đấu đến năm 2030 hoàn thành nâng cấp và hiện đại hóa thiết chế văn hóa, thể thao cấp xã. Phấn đấu có ít nhất 01 Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thanh đạt chuẩn theo tiêu chí quy định, đủ khả năng tổ chức các hoạt động văn hóa cộng đồng. Đảm bảo 100% ấp có nhà văn hóa - khu thể thao được trang bị cơ sở vật chất thiết yếu và được tổ chức hoạt động thường xuyên, hiệu quả, đặc biệt tại các khu vực đồng bào dân tộc thiểu số.

*** Chợ, cửa hàng dịch vụ, thương mại**

Tiếp tục cải tạo nâng cấp các chợ truyền thống và trung tâm thương mại hiện hữu. Kêu gọi các doanh nghiệp, tổ chức đầu tư các hệ thống siêu thị. Khuyến khích doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh đổi mới phương thức hoạt động theo hướng hiện đại, chuyên nghiệp; hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp, các chủ thể tham gia vào chuỗi sản xuất và cung ứng hàng hóa, đặc biệt là hàng hóa nông sản để tăng cường kết nối giữa vùng sản xuất và thị trường tiêu thụ. Phát triển mới khu thương mại, dịch vụ, quy mô 1,94 ha tại ấp Sua Đũa,

*** Điểm phục vụ bưu chính viễn thông**

Đầu tư nâng cấp, cải tạo, chỉnh trang các điểm phục vụ bưu chính viễn thông tại 02 điểm: Bưu điện Bình An, tại ấp An Thới; Bưu Điện Vĩnh Hòa Hiệp tại ấp Vĩnh Thành B.

5.4.4. Phương án phát triển khu vực sản xuất

a. Vùng sản xuất lúa chất lượng cao, phát thải thấp

Quy hoạch ổn định vùng sản xuất lúa chất lượng cao phục vụ yêu cầu chế biến và xuất khẩu. Tập trung sản xuất lúa chất lượng cao, phát thải thấp tại ấp An Ninh, Vĩnh Đằng, Vĩnh Hội, Vĩnh Thành A, Sua Đũa và Hòa Thuận.

b. Vùng sản xuất Khóm - Cau - Dừa tập trung

Bao gồm toàn bộ phần cù lao Tắc Cậu trên các ấp: Vĩnh Phú, An Ninh. Là vùng chuyên canh, thuần nông với 03 loại cây trồng Khóm - Cau - Dừa.

5.4.5. Khu sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp

a. Khu công nghiệp

Khu công nghiệp Tắc Cậu, quy mô 68 ha tại ấp Vĩnh Hòa.

b. Cụm công nghiệp

- Cụm công nghiệp Bình An, quy mô 30 ha, tại ấp Xà Xiêm và An Thới.

- Cụm công nghiệp Bình An 1, quy mô 25,89 ha tại ấp Vĩnh Hội.

- Cụm nhà máy chế biến chuyên sâu về khóm và các sản phẩm khác, quy mô 10 ha tại ấp An Thới.

5.4.6. Khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế

Đầu tư dự án bến bãi, kho hàng, trung tâm logistics và chợ đầu mối, quy mô 42,16 ha tại ấp Vĩnh Hội.

5.4.7. Phát triển dịch vụ di lịch sinh thái

- Tuyến du lịch nông thôn Cù lao Tắc Cậu tại ấp Vĩnh Phú.

- Tuyến du lịch sinh thái miệt vườn, gắn với trải nghiệm nông nghiệp địa phương tại ấp An Ninh.

5.4.8. Phát triển cửa hàng xăng dầu

Phát triển mới 03 cửa hàng xăng dầu: Cửa hàng xăng dầu số 1, trên đường 3 tháng 2 nối dài, quy mô 0,18 ha tại ấp Vĩnh Hội; Cửa hàng xăng dầu số 2, quy mô 0,86 ha và Cửa hàng xăng dầu số 3, quy mô 0,22 ha trên đường 3 tháng 2 nối dài tại ấp Vĩnh Hòa.

5.4.9. Phát triển hệ thống quốc phòng, an ninh

a. Công an xã

Đầu tư mới trụ sở làm việc Công an xã Bình An, quy mô 2,04 ha tại ấp Vĩnh Hòa.

b. Quân sự, quốc phòng

Đầu tư mới Trụ sở làm việc Ban CHQS xã Bình An, quy mô 3,57 ha tại ấp Vĩnh Hòa.

5.4.10. Các khu vực cần bảo tồn, kiểm soát phát triển

Nâng cấp, mở rộng, chỉnh trang Khu hậu cứ Huyện ủy Châu Thành, quy mô 0,95 ha tại ấp An Ninh.

5.5. Định hướng phát triển kinh tế hạ tầng kỹ thuật

5.5.1. Chuẩn bị kỹ thuật đất xây dựng

a. Quy hoạch cao độ nền

- Quy hoạch cao độ nền cho các khu dân cư tập trung trên địa bàn xã Bình An Hxd ≥ +1,80m tạo sự bền vững trong định hướng phát triển đô thị, thích ứng với biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

- Cao độ nền khu vực sản xuất: Hxd ≥ +1,80m.

- Cao độ nền khu công nghiệp: Hxd ≥ +1,80m.

b. Hệ thống thoát nước mặt

Phát triển hệ thống thoát nước mưa phù hợp với đặc thù vùng sông nước; tận dụng hệ thống sông, kênh rạch hiện hữu kết hợp cống, mương nhằm chống ngập, cải thiện môi trường và cảnh quan. Từng bước tách, thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt, công nghiệp và y tế bảo đảm đạt quy chuẩn trước khi xả ra môi trường; ưu tiên đầu tư các hệ thống xử lý tập trung quy mô lớn tại các đô thị và khu, cụm công nghiệp; đồng thời áp dụng các mô hình xử lý phân tán phù hợp với điều kiện từng khu vực, đặc biệt tại các khu dân cư xả thải trực tiếp ra các tuyến sông, kênh, rạch.

5.5.2. Quy hoạch hạ tầng giao thông

a. Quốc lộ

*** Giai đoạn 2026-2030**

- Nâng cấp Quốc lộ 61: Đoạn qua địa bàn xã Bình An, tổng chiều dài 3,4km, đạt quy mô đường cấp III, từ 2-4 làn xe. Chiều rộng mặt đường 7,0m - 14,0m, lề đường mỗi bên 2,5m.

- Nâng cấp Quốc lộ 63: Đoạn qua địa bàn xã Bình An, tổng chiều dài 3,8km, đạt quy mô đường cấp III, từ 2-4 làn xe, trong đó:

+ Đoạn 1 (từ nút giao QL.61 đến đường 3 tháng 2 nối dài): Dài 2,4km, chiều rộng mặt đường 22m, lề đường mỗi bên 5m.

+ Đoạn 2 (từ đường 3 tháng 2 nối dài đến đường vào Cảng cá Tắc Cậu): Dài 1,1km, chiều rộng mặt đường 15,5m, lề đường mỗi bên 5m.

+ Đoạn 3 (từ đường vào Cảng cá Tắc Cậu đến bến phà Tắc Cậu): Dài 0,3km, chiều rộng mặt đường 8,0m, lề đường mỗi bên 1,75m.

- Nâng cấp đường hành lang ven biển phía Nam: Dài 5,7km, đạt quy mô đường cấp đô thị hoặc cấp III, từ 2-4 làn xe, chiều rộng mặt đường 7,0m - 14,0m.

b. Đường tỉnh

*** Giai đoạn 2026-2030**

- Đầu tư mới 2 tuyến đường:

+ Đường Võ Văn Kiệt nối dài: Tuyến dài 2,68km, điểm đầu tại nút giao Quốc lộ 61 và đường Võ Văn Kiệt, điểm cuối đường 3 tháng 2 nối dài, đạt quy mô đường cấp II, 04 làn xe ô tô và 02 làn xe hỗn hợp, chiều rộng mặt đường mỗi bên 11,5m, lề đường mỗi bên 8m, dãy phân cách 3m.

+ Đường ĐT.966D: Tuyến dài 29,7km, điểm đầu giáp đường hành lang ven biển phía nam, điểm cuối giáp xã Gò Quao, đạt quy mô đường cấp III, 2-4 làn xe, chiều rộng mặt đường 7m - 14m, lề đường mỗi bên 2,5m.

- Tuyến nâng cấp: Đường 3 tháng 2 nối dài: Tuyến dài 7,3km, điểm đầu giáp ranh phường Rạch Giá, điểm cuối giáp QL.63, đạt quy mô đường cấp II, 04 làn xe ô tô và 02 làn xe hỗn hợp, chiều rộng mặt đường mỗi bên 9,5m, lề đường mỗi bên 8,0m, dãy phân cách 3,0m.

*** Giai đoạn 2031-2050**

Tuyến nâng cấp: Nâng cấp đường Cống Cái Bé - Cái Lớn: Tuyến dài 5,2km, điểm đầu giáp ranh xã Châu Thành, điểm cuối giáp ranh xã An Biên, đạt quy mô đường cấp III, từ 2-4 làn xe, mặt đường rộng từ 7m - 14m, lề đường mỗi bên 2,5m.

c. Đường xã

*** Giai đoạn 2026-2030**

- Đầu tư mới 10 tuyến đường:

+ Đường nhánh 1A, đường 3 tháng 2 nối dài: Tuyến dài 2,6km, điểm đầu giáp khu đô thị Phú Quý, điểm cuối giáp đường Nguyễn Chí Thanh nối dài, đạt quy mô tối thiểu đường cấp IV, từ 2-4 làn xe.

+ Đường nhánh 1, đường 3 tháng 2 nối dài: Tuyến dài 2,9km, điểm đầu giáp khu đô thị Phú Quý, điểm cuối giáp đường chính ấp Vĩnh Thành, đạt quy mô tối thiểu đường cấp IV, từ 2-4 làn xe.

+ Đường nhánh 2, đường 3 tháng 2 nối dài: Tuyến dài 1,7km, điểm đầu giáp đường ĐT.966D, điểm cuối giáp đường Tà Niên, đạt quy mô tối thiểu đường cấp IV, từ 2-4 làn xe.

+ Đường nhánh 3, đường 3 tháng 2 nối dài: Tuyến dài 3,8km, điểm đầu giáp Sông Cái Bé, điểm cuối giáp QL61, đạt quy mô tối thiểu đường cấp IV, từ 2-4 làn xe.

+ Đường nhánh 4, đường 3 tháng 2 nối dài: Tuyến dài 3,7km, điểm đầu giáp đường ĐH.29, điểm cuối giáp đường nhánh 3 đường 3 tháng 2 nối dài, đạt quy mô tối thiểu đường cấp IV, từ 2-4 làn xe.

+ Đường nhánh 5, đường 3 tháng 2 nối dài: Tuyến dài 3,7km, điểm đầu giáp Sông Cái Bé, điểm cuối giáp QL61, đạt quy mô tối thiểu đường cấp IV, từ 2-4 làn xe.

+ Đường nhánh 6, đường 3 tháng 2 nối dài: Tuyến dài 3,4km, điểm đầu giáp sông Cái Bé, điểm cuối giáp QL61, đạt quy mô tối thiểu đường cấp IV, từ 2-4 làn xe.

+ Đường nhánh 7, đường 3 tháng 2 nối dài (đoạn 1): Tuyến dài 1,0km, điểm đầu giáp đường 3 tháng 2 nối dài, điểm cuối nhánh số 6, đạt quy mô tối thiểu đường cấp IV, từ 2-4 làn xe.

+ Đường nhánh 7, đường 3 tháng 2 nối dài (đoạn 2): Tuyến dài 0,5km, điểm đầu giáp đường 3 tháng 2 nối dài, điểm cuối giáp sông Cái Bé, đạt quy mô tối thiểu đường cấp IV, từ 2-4 làn xe.

+ Đường nhánh 8, đường 3 tháng 2 nối dài: Tuyến dài 2,1km, điểm đầu giáp đường 3 tháng 2 nối dài, điểm cuối giáp QL63, đạt quy mô tối thiểu đường cấp IV, từ 2-4 làn xe.

- Tuyến nâng cấp: Nâng cấp Đương Lâm Quang Ky: Chiều dài tuyến 5,2km, đạt quy mô tối thiểu đường cấp IV, từ 2-4 làn xe.

*** Giai đoạn 2031-2050**

- Đầu tư mới 01 tuyến đường: Đường nối tuyến tránh Tắc Cậu - Đường cống Cái Lớn - Cái Bé: Tuyến dài 1,6km, đạt quy mô đường cấp III, từ 2-4 làn xe.

- Tuyến nâng cấp: Nâng cấp 05 tuyến đường, tổng chiều dài tuyến 22,3km, đạt quy mô đường cấp IV-V, từ 2-4 làn xe, cụ thể như sau:

+ Đường Bình An - Minh Hòa: Tuyến dài 6,9km.

+ Đường Cù Là - Giục Tượng: Tuyến dài 2,3km.

+ Đương Tà Niên: Tuyến dài 4,4km.

+ Đường Nguyễn Chí Thanh nối dài: Tuyến dài 1,8km.

+ Đường Ấp Vĩnh Hòa II: Tuyến dài 6,9km.

d. Đường ấp

*** Giai đoạn 2026-2030**

- Nâng cấp 02 tuyến đường:

+ Nâng cấp Đường vào khu căn cứ (đoạn 1): Tuyến dài 1,8km, đạt quy mô tối thiểu đường cấp VI, từ 1-2 làn xe, chiều rộng mặt đường 5,5m, lề đường mỗi bên rộng 1m.

+ Nâng cấp Đường vào khu căn cứ (đoạn 2): Tuyến dài 0,5km, đạt quy mô tối thiểu đường cấp VI, từ 1-2 làn xe, chiều rộng mặt đường 5,5m, lề đường mỗi bên rộng1m.

*** Giai đoạn 2031-2050**

Nâng cấp 31 tuyến đường đạt quy mô tối thiểu đường cấp VI, từ 1-2 làn xe, chiều rộng mặt đường 5,5m; lề đường mỗi bên rộng 1,0m, cụ thể như sau:

Các tuyến đường ấp nâng cấp giai đoạn 2031-2050

STT	Tên đường	Chiều dài (km)
1	Đường Cà Lang	4,90
2	Đường ngọn Cà Lang	0,80
3	Đường kênh Hào Dầu (bờ bắc)	1,60
4	Đường An Phước (bờ tây)	2,00
5	Đường kênh Sóc Tràm (bờ nam)	2,00
6	Đường Kênh Sóc Tràm (An Bình)	2,00
7	Đường Chùa Mới - Chùa Cũ (bờ đông)	2,00
8	Đường Rạch Gốc (bờ đông)	2,80
9	Đường Rạch Gốc (bờ tây)	2,80
10	Đường Gò Đất	2,60
11	Đường Bảng Vàng	0,70
12	Đường kênh Kha Ma	1,30
13	Đường trong cảng cá Tắc Cậu	0,60
14	Đường kênh 2 Lộc (Đoạn 1)	0,80
15	Đường Khu dân cư ấp An Bình	1,50
16	Đường kênh ranh Gò Đất - Minh Lương	1,30
17	Đường Sua Đũa (bờ tây)	1,90
18	Đường khu dân cư Sua Đũa	0,50
19	Đường rạch Tà Niên (bờ đông)	1,50
20	Đường rạch Tà Niên (bờ tây)	1,60
21	Lộ chính Vĩnh Thành	1,70
22	Đường Đập Đá	1,20
23	Đường Cống Đình	0,10
24	Đường rạch Tà Niên (bờ bắc)	0,90
25	Đường rạch Tà Niên (bờ nam)	1,00
26	Đường Sua Đũa (bờ đông)	3,50

STT	Tên đường	Chiều dài (km)
27	Đường kênh Tiếp Nước (bờ nam)	3,00
28	Đường trụ sở Hòa Thuận	0,50
29	Đường và trụ sở cũ	0,40
30	Đường kênh Xẻo Nhỏ	1,50
31	Đường kênh Tà Bết (bờ bắc)	1,30

e. Đường ngõ xóm

*** Giai đoạn 2026-2030**

- Đầu tư mới 03 tuyến đường, đạt quy mô đường cấp VI, từ 1-2 làn xe, chiều rộng tối thiểu mặt đường 5,5m, lề đường mỗi bên rộng 1m, cụ thể như sau:

+ Đường vào khu xử lý nước thải ấp An Phước: Tuyến dài 0,3km.

+ Đường kênh ranh Xà Xiêm (bờ bắc): Tuyến dài 0,4km, điểm đầu giáp đường Cống Cái Lớn - Cái Bé, điểm cuối giáp kênh Rạch Gốc.

+ Đường kênh ranh Xà Xiêm (bờ nam): Tuyến dài 0,4km, điểm đầu giáp đường Cống Cái Lớn - Cái Bé, điểm cuối giáp kênh Rạch Gốc.

- Nâng cấp 02 tuyến đường, đạt quy mô đường cấp VI, từ 1-2 làn xe, chiều rộng tối thiểu mặt đường 5,5m, lề đường mỗi bên rộng 1m, cụ thể như sau:

+ Đường kênh Cà Đao Xóm Việt (bờ bắc): Tuyến dài 4,0km.

+ Đường kênh Cà Đao Xóm Việt (bờ nam): Tuyến dài 0,7km.

*** Giai đoạn 2031-2050**

- Đầu tư mới 08 tuyến đường, đạt quy mô đường cấp VI, từ 1-2 làn xe, chiều rộng mặt đường tối thiểu 5,5m, lề đường mỗi bên rộng 1m, cụ thể như sau:

+ Đường kênh Trời Đánh bờ Đông (đoạn 2): Chiều dài 1,5km; điểm đầu giáp đường bờ sông Tà Niên, điểm cuối giáp ranh xã Vĩnh Hòa Phú (cũ).

+ Đường Xẻo Tre bờ bắc (đoạn 2): Chiều dài 0,7km; điểm đầu giáp đường Bê tông hiện hữu, điểm cuối giáp kênh Trời Đánh.

+ Đường Xẻo Tre bờ nam (đoạn 2): Chiều dài 0,7km; điểm đầu giáp đường Bê tông hiện hữu, điểm cuối giáp kênh Trời Đánh.

+ Đường kênh Cà Đao Xóm Việt (bờ bắc): Chiều dài 0,7km; điểm đầu giáp kênh Trời Đánh, điểm cuối giáp kênh Phước Lộc.

+ Đường trụ sở Hòa Thuận nối dài: Chiều dài 1,2km; điểm đầu giáp đường Hoà Thuận, điểm cuối giáp đường Sua Đũa (bờ tây).

+ Đường Xẻo Cối: Chiều dài 1,5km; điểm đầu giáp đường kênh Đập Đá, điểm cuối giáp ranh phường Rạch Giá.

+ Đường Khe Luông bờ Bắc: Chiều dài 0,7km; điểm đầu giáp sông Cái Bé, điểm cuối giáp sông Cái Lớn.

+ Đường Khe Luông bờ Nam: Chiều dài 0,7km; điểm đầu giáp sông Cái Bé, điểm cuối giáp sông Cái Lớn.

- Tuyến nâng cấp: Nâng cấp 54 tuyến đường, đạt quy mô đường cấp VI, từ 1-2 làn xe, chiều rộng mặt đường tối thiểu 5,5m; lề đường mỗi bên rộng 1m, cụ thể như sau:

Danh mục các tuyến đường ngõ xóm nâng cấp giai đoạn 2031-2050

STT	Tên đường	Chiều dài (km)
1	Đường Cầu Phơhe	2,0
2	Đường bờ Tây rạch Cây Thị	1,5
3	Đường kênh Năm Thước	1,2
4	Đường kênh Lô Năm	1,0
5	Đường An Lạc	2,1
6	Đường Đầu Doi	2,6
7	Đường Hậu Lô 4	1,6
8	Đường kênh Hào Dầu (bờ nam)	1,6
9	Đường Hậu lô 7 (bờ bắc)	1,6
10	Đường Hậu lô 7 (bờ nam)	1,6
11	Đường kênh ngang (bờ đông)	2,1
12	Đường kênh ngang (bờ tây)	2,1
13	Đường Hậu lô 5	1,5
14	Đường kênh 4	1,6
15	Đường cặp cảng cá	0,8
16	Đường An Phước (bờ đông)	2,0
17	Đường Dòng Cát	1,8
18	Đường Chùa mới - Chùa Cũ (bờ tây)	2,0
19	Đường tổ 9, 10, 11	3,0
20	Đường kênh ranh	1,8
21	Đường chùa cũ - nhà Danh Út	3,0
22	Đường kênh 2 Lộc (Đoạn 2)	1,0
23	Đường xẻo thầy Bảy (bờ bắc)	1,1
24	Đường xẻo thầy Bảy (bờ nam)	1,2
25	Đường xẻo ông Xuyên (bờ đông)	1,5
26	Đường xẻo ông Xuyên (bờ tây)	1,5
27	Đường Cù Lao	1,0
28	Đường kênh Xáng Múc	1,4
29	Đường rạch Sóc Tràm	4,5
30	Đường kênh Tư Tùng (2 bờ)	6,0
31	Đường cặp rạch Lòng Tắc Vĩnh Phú	1,2
32	Đường Vĩnh Hội bờ tây kênh Ông Hiển	1,6
33	Đường bờ nam kênh Đập Đá	1,2
34	Đường bờ đông sông Cái Bé	1,7
35	Đường tổ 5 Vĩnh Hội	0,8
36	Đường kênh 2 Lương	0,7

STT	Tên đường	Chiều dài (km)
37	Đường Cà Đao (bờ tây)	1,6
38	Đường Cà Đao (bờ đông)	1,8
39	Đường rạch Tà Niên (bờ nam Vĩnh Hòa 1)	0,3
40	Đường kênh Trời Đánh bờ đông (đoạn 1)	2,9
41	Đường kênh Trời Đánh bờ tây	2,5
42	Đường kênh Xẻo Nhỏ (bờ tây)	2,2
43	Đường kênh Xẻo Nhỏ (bờ đông)	0,3
44	Đường Xẻo Tre bờ bắc (đoạn 1)	1,1
45	Đường Xẻo Tre bờ nam (đoạn 1)	0,9
46	Đường Tổ 8 (bờ đông)	0,3
47	Đường Tổ 8 (bờ tây)	0,3
48	Đường khu dân cư Vinh Hòa 1	0,7
49	Đường nhà ông 5 Ngự	0,2
50	Đường kênh Trời Đánh	0,3
51	Đường sông Cái Bé	2,0
52	Đường kênh Tà Bết (bờ nam)	1,3
53	Đường kênh Tiếp Nước (bờ bắc)	5,0
54	Đường trại chăn nuôi	0,3

5.5.3. Quy hoạch hệ thống cấp nước

- Nguồn nước được cấp từ trạm cấp nước phường Rạch Giá và xã Bình An.

- Dự báo nhu cầu sử dụng nước toàn xã trong thời kỳ quy hoạch:

+ Nhu cầu cấp nước toàn xã đến năm 2030 khoảng 11.362,52 m^3/ngày đêm.

+ Nhu cầu cấp nước toàn xã đến năm 2035 khoảng 12.603,93 m^3/ngày đêm.

+ Nhu cầu cấp nước toàn xã đến năm 2050 khoảng 14.581,71 m^3/ngày đêm.

- Phương án phát triển mạng lưới cấp nước:

+ Đầu tư trạm cấp nước Bình An, công suất 1.200 m^3/ngày đêm.

+ Đầu tư trạm cấp nước Bình An, quy mô 1.724 m^2 tại ấp An Ninh.

+ Đầu tư trạm cấp nước và hồ trữ nước, quy mô diện tích 17.600m^2 tại ấp Vĩnh Phú.

5.5.4. Quy hoạch hệ thống cấp điện, chiếu sáng

- Nguồn điện được cấp từ trạm biến áp 110/22kV Minh Phong.

- Tổng nhu cầu điện cần cung cấp toàn xã trong thời kỳ quy hoạch:

+ Nhu cầu cấp điện đến năm 2030 khoảng 27.934,60 kW.

+ Nhu cầu cấp điện đến năm 2035 khoảng 33.004,60 kW.

+ Nhu cầu cấp điện đến năm 2050 khoảng 36.267,10 kW.

- Phương án phát triển mạng lưới cấp điện, chiếu sáng:

+ Cải tạo, nâng cấp lưới điện trung thế hiện hữu, xây dựng mới mạng lưới đường dây trung thế 22kV đảm bảo cung cấp điện ổn định và lâu dài đến từng hộ dân. Về lâu dài hệ thống sẽ được ngầm hoá nhằm đảm bảo mỹ quan và an toàn.

+ Cải tạo, xây dựng mạng lưới chiếu sáng sử dụng đèn LED 220V từ 60W-200W, đèn compact tiết kiệm điện.

5.5.5. Quy hoạch hệ thống thoát nước và xử lý nước thải (XLNT)

- Phát triển hệ thống thoát nước mưa và nước thải phù hợp với đặc thù xã sông nước; tận dụng hệ thống sông, kênh rạch hiện hữu kết hợp cống, mương nhằm chống ngập, cải thiện môi trường và cảnh quan. Từng bước tách, thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt, công nghiệp và y tế bảo đảm đạt quy chuẩn trước khi xả ra môi trường; ưu tiên đầu tư các hệ thống xử lý tập trung quy mô lớn tại các đô thị và khu, cụm công nghiệp, đồng thời áp dụng các mô hình xử lý phân tán phù hợp với điều kiện từng khu vực, đặc biệt tại các khu dân cư xả thải trực tiếp ra các tuyến sông, kênh, rạch.

5.5.6. Quy hoạch hệ thống thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn (CTR)

- Khối lượng chất thải rắn phát sinh trong kỳ quy hoạch:

+ Dự báo tổng khối lượng CTR phát sinh cần thu gom đến năm 2030 khoảng 82,57 tấn/ngày đêm.

+ Dự báo tổng khối lượng CTR phát sinh cần thu gom đến năm 2035 khoảng 94,77 tấn/ngày đêm.

+ Dự báo tổng khối lượng CTR phát sinh cần thu gom đến năm 2050 khoảng 106,77 tấn/ngày đêm.

- Định hướng khu xử lý CTR: Rác thải sinh hoạt được thu gom và vận chuyển về bãi tập kết rác thải tại bãi rác Gò Đất. Đến năm 2030, đầu tư nhà máy xử lý chất thải rắn, quy mô 3ha tại ấp Xà Xiêm, công suất 100-200 tấn/ngày.

5.5.7. Hệ thống nhà tang lễ, nghĩa trang và cơ sở hỏa táng

- Chỉnh trang các khu nghĩa trang, nghĩa địa tập trung hiện hữu, đảm bảo hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, đáp ứng nhu cầu mai táng. Đồng thời, đầu tư phát triển hệ thống cơ sở hỏa táng đạt chuẩn, phù hợp với phong tục tập quán địa phương.

- Nâng cấp, mở rộng nghĩa trang, quy mô 1,34 ha tại ấp Xà Xiêm.

5.5.8. Hệ thống hạ tầng viễn thông thụ động

Bảo đảm phủ sóng thông tin di động băng rộng đến 100% khu dân cư, khu công nghiệp, khu hành chính, thương mại... trên địa bàn xã. Phát triển hệ thống trạm BTS đáp ứng yêu cầu triển khai mạng 4G, 5G và các công nghệ viễn thông thế hệ mới.

5.5.9. Quy hoạch hệ thống hạ tầng PCCC

- Giai đoạn 2026-2030: Đầu tư xây dựng trụ sở làm việc lực lượng Công an đảm bảo an ninh trật tự, PCCC và CNCH tại khu Công nghiệp Tắc Cậu, quy mô 2,68 ha tại ấp Vĩnh Hòa.

- Giai đoạn 2031-2050: Đầu tư xây dựng trụ sở làm việc Đội Cảnh sát PCCC và CNCH trên Sông, quy mô 1,47 ha tại ấp Vĩnh Hòa.

5.6. Giải pháp bảo vệ môi trường

Tăng cường thực hiện quản lý tài nguyên nước, không khí, đất; kiểm soát chặt chẽ các nguồn thải từ khu, cụm công nghiệp, thương mại, làng nghề, y tế và nuôi trồng, chế biến thủy sản. Mở rộng thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt khu chợ, dân cư; từng bước hạn chế khai thác nguồn nước ngầm, chuyển sang sử dụng nước mặt đã xử lý. Hoàn thiện hệ thống quản lý chất thải rắn theo hướng phân loại tại nguồn, giảm chôn lấp, tăng tái chế; tăng cường liên kết vùng trong xử lý chất thải nguy hại và y tế. Bảo vệ, phục hồi sông, kênh, rạch, đất ngập nước, phát triển không gian xanh, du lịch sinh thái; nâng cao nhận thức cộng đồng và xử lý nghiêm các vi phạm.

5.7. Những danh mục, dự án ưu tiên đầu tư và nguồn lực để thực hiện

a. Những dự án ưu tiên đầu tư

* Giai đoạn đến năm 2030

Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư giai đoạn đến năm 2030

STT	Tên dự án	Quy mô (ha)
I	**Lĩnh vực quy hoạch**	
1	Khu đô thị mới Tắc Cậu	253,75
2	Khu dân cư nông thôn Vĩnh Hòa Hiệp	25,00
3	Khu dân cư nông thôn Vĩnh Hòa Phú	25,00
4	Khu TĐC cảng cá Tắc Cậu	22,30
5	Nhà ở xã hội	30,60
6	Khu hậu cứ Huyện Ủy Châu Thành	0,95
II	**Lĩnh vực Giáo dục**	
1	Trường mầm non Bình An	3,02
2	Trung tâm đào tạo giấy phép lái xe ô tô	1,90
III	**Lĩnh vực công nghiệp, thương mại dịch vụ**	
1	Khu công nghiệp Tắc cậu	68,00
2	Cụm công nghiệp Bình An I	25,89
3	Cụm chế biến chuyên sâu về khóm và sản phẩm nông nghệp khác	10,00
4	Trung tâm thương mại dịch vụ	1,94
5	Trung tâm bến bãi kho hàng + chợ đầu mối, trung tâm logistic	42,16
IV	**Lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật**	
1	Nhà máy xử lý chất thải rắn ấp Xà Xiêm	3,00
2	Nhà máy xử lý nước thải ấp Minh Phong	1,00
3	Hệ thống cấp nước Bình An	0,18
4	Hệ thống cấp nước và hồ trữ nước tại ấp Vĩnh Phú	1,76

b. Giai đoạn đến năm 2050

Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư giai đoạn đến năm 2050

STT	Tên dự án	Quy mô (ha)
I	**Lĩnh vực quy hoạch**	
1	Khu dân cư Vĩnh Thành	63,44
2	Khu dân cư Vĩnh Thành B	39,60
3	Khu dân cư Rạch Cà Lang	39,60
4	Trung tâm hành chính xã Bình An	8,02
II	**Lĩnh vực y tế**	
1	Trạm y tế xã Bình An	10,06
III	**Lĩnh vực Giáo dục**	
1	Trường THPT Bình An	3,55
IV	**Lĩnh vực công nghiệp, thương mại dịch vụ**	
1	Cụm công nghiệp Bình An	30,00
V	**Lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật**	
1	Nhà máy xử lý chất thải rắn ấp Gò Đất	2,03
VI	**Lĩnh vực an ninh, quốc phòng**	
1	Ban chỉ huy quân sự xã Bình An	3,57
2	Trụ sở công an xã Bình An	2,04
3	Trụ sở làm việc công an trật tự PCCC và CHCN KCN Tắc Cậu và kho tạm giữ tang vật	2,68
4	Trụ sở làm việc Đội PCCC & CHCN trên sông	1,47

5.7.2. Nguồn lực để thực hiện

Kết hợp từ nguồn vốn ngân sách nhà nước đối với hạ tầng khung và nguồn vốn đầu tư kinh doanh của Nhà đầu tư được lựa chọn theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao cho Phòng Kinh tế phối hợp với đơn vị tư vấn và các ban ngành liên quan:

- Tổ chức công bố công khai Quy hoạch chung xã Bình An, tỉnh An Giang đến năm 2050 theo đúng quy định pháp luật hiện hành.

- Căn cứ Quy hoạch chung xã Bình An, tỉnh An Giang đến năm 2050 được duyệt, rà soát, điều chỉnh quy hoạch các ngành lĩnh vực có liên quan và thực hiện quản lý nhà nước theo chức năng nhiệm vụ được giao.

- Rà soát điều chỉnh hoặc lập mới các quy hoạch chi tiết và các khu chức năng trên địa bàn xã theo định hướng Quy hoạch chung xã Bình An, tỉnh An Giang đến năm 2050 được duyệt.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng HĐND - UBND xã, Trưởng các phòng: Phòng Kinh tế, Phòng Văn hóa- Xã hội, Trung tâm phục vụ hành chính công, Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Đầu tư DSB Kiên Giang và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Sở Xây dựng (b/c);
- Thường trực Đảng ủy xã (b/c);
- Thường trực HĐND xã (b/c);
- CT và các PCT UBND xã;
- Các cơ quan, đơn vị liên quan;
- LĐVP;
- Trưởng các ấp;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

U.B.N.D XÃ BÌNH AN T. KIÊN GIANG

Nguyễn Thanh Luận